

Số (Nº): 11057/VAQ09-01/24-00

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP
TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR AUTOMOBILES

Cấp theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số:

Pursuant to the Technical document N⁰

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

Standard, regulation applied

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số:

Pursuant to the results of C.O.P examination record N⁰

Căn cứ vào báo cáo kết quả thử nghiệm số:

Pursuant to the results of Testing report N⁰

11855/24/AH

Ngày 02/10/2024

Date

QCVN 09 : 2015/BGTVT

620005/620040/02/24/01

Ngày 08/05/2024

Date

11214/24/BC

Ngày 01/10/2024

Date

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại phương tiện (Vehicle Type): Ô tô tải đông lạnh

Nhãn hiệu (Trademark): UD TRUCKS

Mã kiểu loại (Model Code): CDE62TR 08MJ-QA.DLF1S

Tên thương mại (Commercial Name): UD TRUCKS QUESTER CDE 280

Mã số khung (Frame number code): JPCZZ50C*****

Khối lượng bản thân (Kerb mass):

10920 kg

Phân bố khối lượng bản thân lên các trục (Distribution on axles):

4630 / 3145 / 3145 kg

Số người cho phép chở, kể cả người lái (ngồi + đứng + nằm + xe lăn): (Seating capacity including driver):

02 (02+0 +0 +0) người

Khối lượng chuyên chở TK lớn nhất / cho phép lớn nhất (Design/ Authorized pay load):

12950 / 12950 kg

Khối lượng toàn bộ theo thiết kế / cho phép lớn nhất (Design/ Authorized total mass):

24000 / 24000 kg

Phân bố khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục (Distribution on axles):

6550 / 8725 / 8725 kg

Khối lượng kéo theo theo thiết kế / cho phép lớn nhất (Designed/ Authorized):

--- / --- kg

Kích thước xe (Dài x Rộng x Cao) (Overall: length x width x height):

11470 x 2500 x 3870 mm

Kích thước lòng thùng chở hàng/bao ngoài xi téc:

8850 / --- x 2320 / --- x 2310 / --- mm

Số trục xe: 3

Khoảng cách trục (Wheel space):

5600 + 1370 mm

Công thức bánh xe (Drive configuration): 6 x 2

Vết bánh xe các trục (Axles track):

2026 / 1835 / 1835 mm

Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, Type): GH8E 280 EU V, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, tăng áp

Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max. output/ rpm):

206 / 2200 kW/rpm

Loại nhiên liệu (Fuel): Diesel

Thể tích làm việc :

7698 cm³

Số lượng: Cỡ lốp:

Trục 1: 02; 11.00R20

Trục 2: 04; 11.00R20

Trục 3: 04; 11.00R20

(Qty, Tyre size)

Trục 4: ---

Trục 5: ---

Trục 6: ---

Hệ thống lái (Driver system): Trục vít - ê cu bi; Cơ khí có trợ lực thủy lực

Hệ thống phanh chính (Service braking system): Tang trống/ Tang trống/ Tang trống; Khí nén

Hệ thống phanh đỗ xe (Parking braking system): Tang trống; Bánh xe trục 1, 2; Khí nén + Lò xo tích năng tại bầu phanh

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ ÔTÔ QUYỀN

(Name and address of manufacturer) Số 550, ấp 4, Xã Tân Bửu, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ ÔTÔ QUYỀN

(Name and address of assembly plant) Số 550, ấp 4, Xã Tân Bửu, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Kiểu loại xe nói trên thỏa mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (The product is in compliance with the) QCVN 09 : 2015/BGTVT.

Ghi chú:

- Hệ thống lạnh nhãn hiệu HUABON THERMO, model HT-1280

- Thành bên thùng hàng có bố trí cửa xếp, dỡ hàng

- Hàng năm, giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá.

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

Vietnam Register

TL. CỤC TRƯỞNG

QUYỀN TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI



Trần Hoàng Phong